

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 11/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

Thời gian : 18h15 - 05/11/2025 - Phòng : 201 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|----------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                      |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 27213801662 | Đặng Mai An          | 12/07/2003 | Quảng Nam  | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 27202142288 | Hồ Mai Anh           | 29/09/2003 | Đà Nẵng    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 28204950432 | Đỗ Thị Lan Anh       | 06/10/2004 | Đắk Lắk    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 27207331291 | Hồ Thị Hàn Châu      | 01/02/2003 | Quảng Ngãi | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 27213702624 | Dương Phương Duy     | 01/01/2003 | Quảng Nam  | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28214550170 | Trần Văn Ngọc Hải    | 02/06/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 28204634390 | Nguyễn Thị Thu Hằng  | 13/09/2004 | Đắk Lắk    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28208145148 | Nguyễn Thị Công Hạnh | 26/06/2004 | Quảng Nam  | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28204533472 | Nguyễn Thị Thu Huyền | 20/04/2004 | Quảng Nam  | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28208034773 | Lê Thị Thanh Huyền   | 26/10/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28214552364 | Lý Võ Lâm            | 24/08/2004 | Bình Định  | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 27202201852 | Ngô Thị Hoài Linh    | 17/09/2003 | Quảng Bình | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28204533783 | Võ An Na             | 30/07/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 28218143292 | Trịnh Kỳ Phong       | 28/06/2004 | Quảng Nam  | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28212549675 | Hoàng Minh Phúc      | 11/12/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 28214649543 | Hoàng Văn Bảo Quốc   | 24/02/2004 | Quảng Bình | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 28204552465 | Nguyễn Phạm Khánh    | 26/03/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 27216338219 | Trần Nam Sơn         | 20/06/1999 | Bình Dương | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 28204528135 | Hoàng Ngọc Thủy Tiên | 28/11/2004 | Quảng Trị  | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 20 | 26204335799 | Hoàng Thị Minh Anh   | 25/05/2001 | Quảng Trị  | 30CYC3 |       |        |        |      |     | Thi ghép |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THI 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 11/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

Thời gian : 18h15 - 05/11/2025 - Phòng : 609 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|------------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                        |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28214553603 | Nguyễn Quang Tiến      | 12/05/2004 | Quảng Nam  | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28204802948 | Dương Nguyễn Thủy      | 08/03/2004 | Vũng Tàu   | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 28206105368 | Đặng Nguyễn Ngọc Uyên  | 06/12/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 28204600594 | Phạm Tường Vi          | 10/11/2003 | Đà Nẵng    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 28210222806 | Nguyễn Thành Vinh      | 12/12/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28214600713 | Nguyễn Gia Vỹ          | 01/04/2002 | Kon Tum    | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 28208100741 | Nguyễn Đỗ Ngọc Yển     | 20/10/2004 | Quảng Ngãi | 31CBN7 |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28203603700 | Võ Thị Lan Châu        | 08/06/2004 | Quảng Nam  | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28204602460 | Dương Bảo Châu         | 10/01/2004 | Quảng Ngãi | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28203541399 | Lê Thị Linh Chi        | 07/11/2004 | Quảng Trị  | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28204601749 | Nguyễn Thị Bích Diệu   | 09/07/2004 | Bình Định  | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 28206504631 | Hồ Thị Mỹ Dung         | 17/07/2004 | Đắk Lắk    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28218105696 | Lê Hoàng Duy           | 03/06/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 28208103584 | Phạm Thị Mỹ Duyên      | 09/10/2004 | Đắk Lắk    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28208151980 | Phan Ngọc Xuân Hân     | 01/10/2004 | Bình Định  | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 28204306169 | Trần Thị Ngọc Hiếu     | 07/03/2004 | Bình Định  | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 28212751825 | Trần Việt Hùng         | 18/09/2004 | Bình Định  | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 27214142191 | Lê Ngọc Minh           | 10/01/2000 | Thanh Hóa  | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 28208005201 | Phan Nguyễn Quỳnh      | 29/04/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 20 | 29204634908 | Thượng Tô Mỹ Như       | 18/09/2005 | Quảng Ngãi | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 21 | 27211342202 | Nguyễn Trung Phúc      | 26/09/2003 | Quảng Ngãi | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 22 | 29204139811 | Nguyễn Thị Minh Phương | 17/02/2005 | Gia Lai    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 23 | 28216235101 | Phùng Viết Quang       | 29/06/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 24 | 28218105857 | Nguyễn Toàn Thắng      | 16/09/2004 | Quảng Nam  | 31CHT1 |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 25 | 28214305684 | Nguyễn Hoàng Tiên Tiến | 09/10/2004 | Quảng Nam  | 31CHT6 |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 26 | 29204957291 | Trần Thị Ái Ly         | 19/08/2005 | Quảng Nam  | 31SHT6 |       |        |        |      |     | Thi ghép |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 11/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 05/11/2025 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP     | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|-----------------------|------------|----------------|---------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                       |            |                |         |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28206254509 | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh | 02/01/2004 | Kon Tum        | 31SSC6  |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 27204802168 | Phan Thái Thiên Thiên | 23/09/2003 | Quảng Nam      | 31SSC6  |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 28212750109 | Trần Duy Thoại        | 03/01/2004 | Đà Nẵng        | 31SSC6  |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 27214200739 | Hắc Minh Thư          | 15/04/2003 | Đà Nẵng        | 31SSC6  |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 28204350021 | Lê Thị Thùy Tiên      | 24/06/2004 | Hà Tĩnh        | 31SSC6  |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28219731142 | Huỳnh Văn Tiến        | 29/07/2004 | Phú Yên        | 31SSC6  |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 28218151935 | Phạm Quang Tiếp       | 13/11/2004 | Hưng Yên       | 31SSC6  |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28208048624 | Trần Thị Huyền Trâm   | 01/01/2004 | Quảng Nam      | 31SSC6  |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28218100524 | Lê Công Viên          | 10/07/2004 | Hà Tĩnh        | 31SSC6  |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28212300412 | Nguyễn Ngọc An        | 29/10/2004 | Gia Lai        | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28212301053 | Nguyễn Xuân Bảo       | 13/01/2004 | Gia Lai        | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 29207255383 | Nguyễn Đào Đoan Châu  | 09/08/2005 | Khánh Hòa      | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 27213836771 | Nguyễn Quỳnh Chi      | 05/10/2003 | Quảng Trị      | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 28203550561 | Trần Nguyễn Thị Mỹ    | 08/07/2004 | Đắk Lắk        | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28204853934 | Lê Trương Gia Hân     | 12/10/2004 | Bình Định      | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 29207239970 | Mai Nguyễn Thu Hiền   | 25/02/2005 | Quảng Ngãi     | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 28207139313 | Nguyễn Thị Liên Hương | 25/02/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 28216301344 | Trần Gia Huy          | 14/02/2004 | Gia Lai        | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 28204600516 | Phạm Thị Bích Huyền   | 25/05/2004 | Quảng Trị      | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 20 | 28206504294 | Huỳnh Gia Khánh       | 16/10/2004 | Bình Định      | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 21 | 28204452610 | Trần Thị Thùy Linh    | 19/04/2003 | Quảng Bình     | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 22 | 28206126863 | Phan Hoàng Tú Linh    | 08/10/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 23 | 28208105772 | Nguyễn Thị Thùy Linh  | 06/09/2004 | Quảng Bình     | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 24 | 29207264104 | Nguyễn Thị Trà My     | 26/04/2005 | Đà Nẵng        | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 25 | 29206552475 | Nguyễn Thảo Nguyên    | 23/07/2004 | Thừa Thiên Huế | 31TBN12 |       |        |        |      |     |          |
| 26 | 28218000754 | Võ Quốc Việt          | 10/02/2004 | Quảng Nam      | 31TBN10 |       |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 11/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 05/11/2025 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP            | DL BT   | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|------------------------|-----------|------------|----------------|---------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                        |           |            |                |         |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28206822076 | Đỗ Quý                 | Phi       | 24/02/2004 | Quảng Ngãi     | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 2  | 28212305725 | Trương Hoàng           | Phúc      | 25/03/2004 | Quảng Nam      | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 3  | 28204141690 | Vũ Thị Kim             | Quỳnh     | 08/10/2004 | Đắk Nông       | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 4  | 28212253672 | Nguyễn Đức             | Thế       | 07/04/2004 | Bình Định      | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 5  | 27211327005 | Trần Văn               | Toàn      | 07/02/2003 | Gia Lai        | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 6  | 28206536910 | Nguyễn Thị Thảo        | Trâm      | 09/07/2004 | Quảng Nam      | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 7  | 29204164487 | Nguyễn Ngọc Bảo        | Trâm      | 20/12/2005 | Quảng Trị      | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 8  | 29207254785 | Trần An Hà             | Trang     | 15/11/2005 | Khánh Hòa      | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 9  | 28209424598 | Phan Ngọc Kiều         | Trinh     | 20/06/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 10 | 28216704189 | Tôn Thị Út             | Trinh     | 29/11/2004 | Quảng Ngãi     | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 11 | 28212200122 | Lê Huỳnh Anh           | Tuấn      | 19/11/2004 | Quảng Trị      | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 12 | 29206565552 | Lê Thị                 | Ty        | 10/02/1997 | Quảng Trị      | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 13 | 28208132099 | Nguyễn Thị Thủy Phương | Uyên      | 17/08/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 14 | 28206502363 | Võ Phan Hồng           | Viên      | 28/09/2004 | Phú Yên        | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 15 | 28204622484 | Trần Nguyễn Ý          | Vy        | 04/01/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 16 | 28204652430 | Tô Thị Mỹ              | Yên       | 10/04/2004 | Phú Yên        | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 17 | 28206702994 | Nguyễn Thị Ngọc        | Yến       | 08/01/2002 | Thừa Thiên Huế | 31TBN12 |        |        |      |     |          |
| 18 | 28218453232 | Hồ Minh                | Huy       | 26/01/2004 | Đà Nẵng        | 31TSC10 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 19 | 28206549501 | Nguyễn Thị Thu         | Hà        | 02/05/2004 | Đắk Lắk        | 31TSC9  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 20 | 28212306398 | Trần Đức               | Long      | 16/12/2004 | Đắk Lắk        | 31TSC9  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 21 | 28206501925 | Nguyễn Thị Ngọc        | Trâm      | 25/10/2004 | Hồ Chí Minh    | 31TSC9  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 22 | 28208002271 | Phan Thiên             | Nga       | 15/06/2004 | Quảng Nam      | 31TYC10 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 23 | 28214332370 | Văn Bá Bảo             | Lộc       | 16/01/2004 | Đà Nẵng        | 31TYC9  |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**